**HƯỚNG DẪN ÔN THI PHẦN ĐỌC HIỂU**

**Các dạng câu hỏi đọc hiểu**

* Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản ?
* Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản ?
* Xác định thao tác lập luận văn bản ?
* Xác định phép liên kết được sử dụng trong văn bản trên ?
* Xác định các hình thức lập luận của đoạn văn?
* Xác định thể thơ ?
* Xác định câu chủ đề của văn bản
* Đặt nhan đề cho văn bản
* Xác định  biện pháp tu từ và nêu hiệu quả biểu đạt của nó trong văn bản ?
* Nêu nội dung chính của văn bản hoặc nêu chủ đề của văn bản ?
* Ý nghĩa của hình ảnh, câu thơ...?
* Vì sao tác giả cho rằng….?
* Anh/ chị có đồng tình với quan điểm của tác giả hay không vì sao?
* Hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề được đặt ra từ văn bản?
* Bài học sâu sắc nhất mà anh/ chị rút ra từ văn bản ?
* …

**Các câu hỏi đọc hiểu được soạn theo 4 mức độ :**

+ Câu hỏi nhận biết thường đưa ra yêu cầu thí sinh chỉ ra các phương thức biểu đạt, phong cách chức năng ngôn ngữ, thao tác lập luận, phép liên kết hay các lỗi diễn đạt ... trong văn bản.

+ Câu hỏi thông hiểu thường yêu cầu thí sinh xác định nội dung chính của văn bản hay một câu, một đoạn trong văn bản.

+ Câu hỏi vận dụng thấp thường yêu cầu nêu tác dụng của các phép tu từ hay việc sử dụng kết hợp các phương thức biểu đạt, sử dụng từ ngữ ... trong văn bản.

+ Câu hỏi vận dụng cao thường là dạng câu hỏi bày tỏ quan điểm thái độ hoặc liên hệ thực tế đời sống (liên hệ hiện tượng nào và đưa ra giải pháp).

**Phạm vi của phần đọc - hiểu**

Văn bản được trích dẫn trong đề đọc hiểu có thể là :

- Văn bản văn học (Các tác phẩm nghệ thuật : thơ, truyện, tiểu thuyết, kí,…):

+ Văn bản trong chương trình

+ Văn bản ngoài chương trình (Các văn bản cùng loại với các văn bản được học trong chương trình).

- Văn bản nhật dụng (Loại văn bản có nội dung gần gũi, bức thiết đối với cuộc sống trước mắt của con người và cộng đồng trong xã hội hiện đại như: Vấn dề chủ quyền biển đảo, thiên nhiên, môi trường, năng lượng, dân số, quyền trẻ em, ma tuý, ... Văn bản nhật dụng có thể dùng tất cả các thể loại cũng như các kiểu văn bản song có thể nghiêng nhiều về loại văn bản nghị luận và văn bản báo chí).

**TÓM TẮT KIẾN THỨC ĐỌC HIỂU**

**Sáu phương thức biểu đạt**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phương thức biểu đạt** | **Nhận diện qua mục đích giao tiếp** |
| 1 | ***Tự sự*** | Trình bày diễn biến sự việc |
| 2 | ***Miêu tả*** | Tái hiện trạng thái, sự vật, con người |
| 3 | ***Biểu cảm*** | Bày tỏ tình cảm, cảm xúc |
| 4 | ***Nghị luận*** | Trình bày ý kiến đánh giá, bàn luận… |
| 5 | ***Thuyết minh*** | Trình bày đặc điểm, tính chất, phương pháp… |
| 6 | ***Hành chính – công vụ*** | Trình bày ý muốn, quyết định nào đó, thể hiện quyền hạn, trách nhiệm giữa người với người |

Một văn bản có thể sử dụng một hoặc nhiều phương thức biểu đạt. Nếu sử dụng nhiều phương thức thì thường sẽ có 1 phương thức biểu đạt chính.

\* **Phương thức hành chính công vụ thường ít xuất hiện trong đề đọc hiểu.**

**Sáu phong cách ngôn ngữ:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Phong cách ngôn ngữ** | **Nhận biết** |
| 1 | ***Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt*** | văn bản có thể được trích đoạn hội thoại trong giao tiếp hằng ngày, hoặc trích đoạn một bức thư, nhật kí .  Trường hợp đặc biêt : trích lời của nhân vật trong kịch, truyện , tiểu thuyết, sử thi,…. thì ngữ liệu đó thuộc phong cách nghệ thuật. |
| 2 | ***Phong cách ngôn ngữ báo chí (thông tấn)*** | Văn bản báo chí rất dễ nhận biết khi đề bài trích dẫn một bản tin trên báo và ghi rõ nguồn bài viết ( ở báo nào? ngày nào?)  -VD bản tin , phóng sự,.. |
| 3 | ***Phong cách ngôn ngữ chính luận*** | Trong đề đọc hiểu, có thể trích dẫn trong các văn bản chính luận ở SGK hoặc lời phát biểu của các nguyên thủ quốc gia trong  hội nghị, hội thảo, nói chuyện thời sự , … |
| 4 | ***Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật*** | - Trong đề đọc hiểu, nếu thấy trích đoạn nằm trong một bài thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, ... và các tác phẩm văn học nói chung |
| 5 | ***Phong cách ngôn ngữ khoa học*** | Dùng trong những văn bản thuộc lĩnh vực nghiên cứu, học tập và phổ biến khoa học, đặc trưng cho các mục đích diễn đạt chuyên môn sâu. |
| 6 | ***Phong cách ngôn ngữ hành chính*** | (**Văn bản hành chính hiếm khi xuất hiện trong đề đọc hiểu)** |

**Sáu thao tác lập luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Các thao tác lập luận** | **Nhận diện** |
| 1 | ***Giải thích*** | Giải thích là vận dụng tri thức để hiểu vấn đề nghị luận một cách rõ ràng và giúp người khác hiểu đúng ý của mình. |
| 2 | ***Phân tích*** | Phân tích là chia tách đối tượng, sự vật hiện tượng thành nhiều bộ phận, yếu tố nhỏ để đi sâu xem xét kĩ lưỡng nội dung và mối liên hệ bên trong của đối tượng. |
| 3 | ***Chứng minh*** | Chứng minh là đưa ra những cứ liệu - dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ một lí lẽ một ý kiến để thuyết phục người đọc người nghe tin tưởng vào vấn đề. ( Đưa lí lẽ trước - Chọn dẫn chứng và đưa dẫn chứng. Cần thiết phải phân tích dẫn chứng để lập luận CM thuyết phục hơn. Đôi khi thuyết minh trước rồi trích dẫn chứng sau.) |
| 4 | ***Bác bỏ*** | Bác bỏ là chỉ ra ý kiến sai trái của vấn đề trên cơ sở đó đưa ra nhận định đúng đắn và bảo vệ ý kiến lập trường đúng đắn của mình. |
| 5 | ***Bình luận*** | Bình luận là bàn bạc đánh giá vấn đề, sự việc, hiện tượng… đúng hay sai, hay / dở; tốt / xấu, lợi / hại…; để nhận thức đối tượng, cách ứng xử phù hợp và có phương châm hành động đúng. |
| 6 | ***So sánh*** | So sánh là một thao tác lập luận nhằm đối chiếu hai hay nhiều sự vật, đối tượng hoặc là các mặt của một sự vật để chỉ ra những nét giống nhau hay khác nhau, từ đó thấy được giá trị của từng sự vật hoặc một sự vật mà mình quan tâm.  Hai sự vật cùng loại có nhiều điểm giống nhau thì gọi là so sánh tương đồng, có nhiều điểm đối chọi nhau thì gọi là so sánh tương phản. |

**Các phép liên kết ( liên kết các câu trong văn bản)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các phép liên kết** | **Đặc điểm nhận diện** |
| ***Phép lặp*** | Phép lặp là cách dùng đi dùng lại một yếu tố ngôn ngữ, ở những bộ phận khác nhau (trước hết ở đây là những câu khác nhau) của văn bản nhằm liên kết chúng lại với nhauPhép lặp, ngoài khả năng kết nối các bộ phận hữu quan của văn bản lại với nhau, còn có thể đemlại những ý nghĩa tu từ như nhấn mạnh gây cảm xúc, gây ấn tượng… |
| ***Phép liên tưởng (đồng nghĩa / trái nghĩa)*** | Phép liên tưởng là cách sử dụng những từ ngữ chỉ những sự vật có thể nghĩ đến theo một định  hướng nào đó, xuất phát từ những từ ngữ ban đầu, nhằm tạo ra mối liên kết giữa các phần chứa  chúng trong văn bản.  Phép liên tưởng khác phép thế ở chỗ trong phép thế thì dùng những từ khác nhau để chỉ cùng  một sự vật; trong phép liên tưởng, đó là những từ ngữ chỉ những sự vật khác nhau có liên quan  đến nhau theo lối từ cái này mà nghĩ đến cái kia (liên tưởng).  Sự liên tưởng có thể diễn ra giữa những sự vật cùng chất cũng như giữa những sự vật khác chất |
| ***Phép thế*** | Phép thế là cách thay những từ ngữ nhất định bằng những từ ngữ có ý nghĩa tương đương (cùng  chỉ sự vật ban đầu, còn gọi là có tính chất đồng chiếu) nhằm tạo tính liên kết giữa các phần văn  bản chứa chúng. Có 2 loại phương tiện dùng trong phép thế là thay thế bằng từ ngữ đồng nghĩa  và thế bằng đại từ.  Dùng phép thế không chỉ có tác dụng tránh lặp đơn điệu, mà còn có tác dụng tu từ nếu chọn  được những từ ngữ thích hợp cho từng trường hợp dùng. |
| ***Phép nối*** | Phép nối là cách dùng những từ ngữ sẵn mang ý nghĩa chỉ quan hệ (kể cả những từ ngữ chỉ quan  hệ cú pháp bên trong câu), và chỉ các quan hệ cú pháp khác trong câu, vào mục đích liên kết các  phần trong văn bản (từ câu trở lên) lại với nhau |
| ***Phép nghịch đối*** | Phép nghịch đối sử dụng những từ ngữ trái nghĩa vào những bộ phận khác nhau có liên quan trong văn bản, có tác dụng liên kết các bộ phận ấy lại với  nhau. Những phương tiện liên kết thường gặp dùng trong phép nghịch đối là:  - Từ trái nghĩa  - Từ ngữ phủ định (đi với từ ngữ không bị phủ định) - Từ ngữ miêu tả (có hình ảnh và ý nghĩa nghịch đối) - Từ ngữ dùng ước lệ |

**Các hình thức lập luận của đoạn văn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Các hình thức lập luận của đoạn văn** | **Dấu hiệu nhận biết** |
| **Diễn dịch** | **Câu chủ đề đứng đầu đoạn. Các câu sau triển khai ý cho câu mở đầu** |
| **Quy nạp** | **Câu chủ đề đứng cuối đoạn. Các câu trên phân tích, giảng giải, câu cuối kết luận, chốt ý.** |
| **Tổng –phân - hợp** | **Câu chủ đề A nằm ở đầu đoạn, câu chủ đề nâng cao A’ mang tính khái quát nằm ở cuối đoạn. Các câu ở giữa có nhiệm vụ triển khai** |

**Các thể thơ thường gặp :**

+ Thể lục bát

+ Thể song thất lục bát

+ Các thể ngũ ngôn Đường luật: Ngũ ngôn tứ tuyệt và ngũ ngôn bát cú.

+ Các thể thất ngôn Đường luật: Thất ngôn tứ tuyệt và thất ngôn bát cú.

+ Các thể thơ hiện đại: Năm tiếng, bảy tiếng, tám tiếng, hỗn hợp, tự do, thơ – văn xuôi…

**Các biện pháp tu từ:**

- ***Tu từ về ngữ âm***: điệp âm, điệp vần, điệp thanh,… (tạo âm hưởng và nhịp điệu cho câu)

***- Tu từ về từ:*** so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, nhân hóa, tương phản, chơi chữ, nói giảm, nói tránh, thậm xưng,…

- ***Tu từ về cú pháp***: Lặp cú pháp, liệt kê, chêm xen, câu hỏi tu từ, đảo ngữ, đối, im lặng,…

|  |  |
| --- | --- |
| **Biện pháp tu từ** | **Hiệu quả nghệ thuật (Tác dụng nghệ thuật)** |
| **So sánh** | Giúp sự vật, sự việc được miêu tả sinh động, cụ thể tác động đến trí tưởng tượng, gợi hình dung và cảm xúc |
| **Ẩn dụ** | Cách diễn đạt mang tính hàm súc, cô đọng, giá trị biểu đạt cao, gợi những liên tưởng ý nhị, sâu sắc. |
| **Nhân hóa** | Làm cho đối tượng hiện ra sinh động, gần gũi, có tâm trạng và có hồn hơn. |
| **Hoán dụ** | Diễn tả sinh động nội dung thông báo và gợi những liên tưởng ý vị, sâu sắc |
| **Điệp từ/ngữ/cấu trúc** | Nhấn mạnh, tô đậm ấn tượng – tăng giá trị biểu cẳm |
| **Nói giảm** | Làm giảm nhẹ đi ý đau thương, mất mát nhằm thể hiện sự trân trọng |
| **Thậm xưng (phóng đại)** | Tô đậm ấn tượng về… |
| **Câu hỏi tu từ** | Bộc lộ cảm xúc |
| **Đảo ngữ** | Nhấn mạnh, gây ấn tượng về |
| **Đối** | Tạo sự cân đối |
| **Im lặng (…)** | Tạo điểm nhấn, gợi sự lắng đọng cảm xúc |
| **Liệt kê** | Diễn tả cụ thể, toàn điện |

**Để nhận biết chính xác các biện pháp nghệ thuật, học sinh cần:**

- Nắm vững kiến thức về các biện pháp tu từ, đặc trưng của từng biện pháp tu từ

- Tác dụng của các biện pháp tu từ có tác dụng làm rõ nội dung nói đến, tăng thêm gợi cảm, gợi hình ảnh, âm thanh, màu sắc, làm đối tượng hấp dẫn, sâu sắc.

Cách phân tích biện pháp nghệ thuật trong văn bản:

Bước 1 : Gọi tên biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong văn bản

Bước 2 : Chỉ rõ hình ảnh, từ ngữ trong câu thơ, câu văn

Bước 3 : Nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong việc biểu đạt nội dung , cảm xúc,…

**Các câu hỏi thông hiểu và vận dụng :**

**? Xác định câu chủ đề của văn bản**

Câu chủ đề được xác định dựa vào : tiêu đề của văn bản, nội dung văn bản. Đoạn văn quy nạp thì câu chủ đề đứng cuối, đoạn văn diễn dịch thì câu chủ đề đứng đầu. HS cần chép chính xác câu chủ đề và để trong “ngoặc kép”

**? Đặt nhan đề cho văn bản**

Nhan đề cần bám sát nội dung và thông điệp của văn bản. Nhan đề đòi hỏi phải đúng trọng tâm, ngắn gọn, hay.

Đây là câu hỏi mở, chấp nhận nhiều đáp án . HS có thể đặt nhan đề hợp lí, ngắn gọn từ 2 đến 5 chữ . Không nên đặt quá dài ( hơn 1 dòng). Nhan đề có thể là 1 từ hoặc cụm từ, không nhất thiết phải viết thành câu đầy đủ thành phần chủ- vị.

? **Nêu nội dung chính của văn bản**

Cần đọc kĩ văn bản, nêu ngắn gọn nội dung chính của văn bản trong khoảng 2-3 dòng, không được phân tích dài, vừa mất thời gian lại vừa không được điểm tối đa.

Để xác định chính xác nội dung của 1 văn bản hoặc chủ đề của văn bản, HS cần:

– Tìm câu chủ đề trong văn bản. Dựa vào câu chủ đề để xác định nội dung.

– Hoặc xác định chính xác nội dung của từng đoạn văn bản, rồi tổng hợp lại thành nội dung bao quát toàn văn bản.

?  **Ý nghĩa của hình ảnh, câu thơ...? Anh / chị hiểu như thế nào về hình ảnh…**

Với câu hỏi này, HS cần giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng ( nếu có) của từ ngữ, hình ảnh. Nêu hiệu quả biểu đạt của chúng, hoặc lí giải vì sao tác giả dùng từ này …

**? Vì sao tác giả cho rằng….**

Câu hỏi này thường kèm trích dẫn một câu văn trong văn bản. Cách đơn giản nhất là tìm trong văn bản xem câu văn ấy nằm ở vị trí nào, dựa vào văn cảnh có thể hiểu được ý nghĩa của câu đó

Có 2 cách trả lời :

Chép nguyên văn câu chứa đáp án

Trả lời bằng lời văn của mình.

Tùy từng đề bài mà đáp án có thể nằm trên văn bản hoặc học sinh phải suy luận mới tìm được.

**? Anh/ chị có đồng tình với quan điểm của tác giả hay không ?vì sao?**

Đây là câu hỏi mở, học sinh được phép trình bày suy nghĩ và quan điểm cá nhân. Một số đề thi chấp nhận hai đáp án : đồng tình hoặc không đồng tình, miễn là HS phân tích và lí giải được. Quan điểm của học sinh phải đúng đắn , không vi phạm chuẩn mực đạo đức và pháp luật.

Nếu đề bài giới hạn dung lượng khoảng 5-7 câu thì HS cần viết đủ dung lượng. Quá dài hoặc quá ngắn sẽ không được điểm tối đa.

Không nên trả lời cộc lốc : có/ không, mà cần diễn đạt thành câu văn hoàn chỉnh : Tôi ( em) đồng tình/ không đồng tình với quan điểm của tác giả, vì ….( lí giải )

**? Hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của bản thân về vấn đề được đặt ra từ văn bản?**

Đoạn văn trong đề đọc hiểu thường có dung lượng ngắn. HS cần xác định rõ nội dung và trình bày rõ ràng quan điểm cá nhân, có cách diễn đạt lưu loát,có câu mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn.

Trước tiên cần ***xác định rõ vấn đề*** ***cần viết*** (nội dung của đoạn văn), ***viết trong bao nhiêu dòng?***(dung lượng), sau đó tiến hành ***tìm ý cho đoạn văn***. Việc tìm ý cho đoạn văn sẽ  giúp học sinh hình dung được những ý cần viết, tránh tình trạng viết lan man dài dòng, không trọng tâm.

- Chú ý: Đoạn văn cũng có bố cục 3 phần: Mở đoạn- Thân đoạn- Kết đoạn

\* Câu mở đầu có nhiệm vụ dẫn dắt vấn đề. Đối với đoạn văn trong đề đọc hiểu, các em nên dẫn dắt từ nội dung của văn bản được trích dẫn.

\* Các câu nối tiếp: Dựa vào các ý chính vừa ghi trên giấy nháp, chúng ta tiến hành viết đoạn văn.

\* Câu kết của đoạn có nhiệm vụ kết thúc vấn đề. Câu kết có thể nêu cảm xúc cá nhân, mở rộng vấn đề, hoặc tóm lược vấn đề vừa trình bày.

Hình thức trình bày của đoạn văn có thể theo: Quy nạp; diễn dịch; hoặc tổng - phân - hợp. Nhưng cách đơn giản nhất là trình bày theo kiểu diễn dịch, tức là câu chủ đề nằm ở đầu đoạn. Các câu sau triển khai ý  cho câu mở đầu.